

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

Bản án số: 89/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 10 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mai Hương
2. Bà Nguyễn Thị Nga

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

2. Bị đơn: Ông Nguyễn K, sinh năm: 1955 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 - 6 - 2018, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn K tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1983 nhưng đến năm 1989 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là thị trấn B), huyện X. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai mai mối, ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, bà T và ông Nguyễn K sống với nhau đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình nhau, cuộc sống không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã. Ông Nguyễn K ham chơi với bạn bè, không lo lắng cho cuộc sống gia đình, thường

xuyên chơi cờ bạc, cá độ gây nợ nần chồng chất vì vậy cuộc sống gia đình không được yên ổn. Bà T đã nhiều lần khuyên bảo ông Nguyễn K nhưng ông Nguyễn K không thay đổi mà ngày càng trầm trọng hơn. Từ năm 2016 đến nay, bà T và ông Nguyễn K sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn K.

Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn K có 03 con chung là Nguyễn T.N.L, sinh năm: 1984; Nguyễn T.B.L, sinh năm: 1987 và Nguyễn C.H, sinh ngày: 13/5/2004. Cháu L1 và cháu L2 đã trưởng thành. Nếu ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn C.H đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Nguyễn K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn K, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng để ông Nguyễn K thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự; đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các thông báo hoà giải, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử để tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn K đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn K. Về con chung, giao cháu Nguyễn C.H, sinh ngày: 13/5/2004 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; ông Nguyễn K không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, bà Lê Thị T và ông Nguyễn K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Lê Thị T chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn K đã được Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử vắng mặt ông Nguyễn K.

[2] *Về thẩm quyền:* Xét yêu cầu của nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Xét thấy, Bà Lê Thị T và ông Nguyễn K tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1989 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Bửu (nay là thị trấn Phước Bửu), huyện Xuyên Mộc. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Nguyễn K là hợp pháp. Quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông Nguyễn K, theo bà T là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, cuộc sống không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã. Ông Nguyễn K ham chơi với bạn bè, không lo lắng cho cuộc sống gia đình, thường xuyên chơi cờ bạc, cá độ gây nợ nần chồng chất vì vậy cuộc sống gia đình không được yên ổn. Bà T đã nhiều lần khuyên bảo ông Nguyễn K nhưng ông Nguyễn K không thay đổi mà ngày càng trầm trọng hơn.

[4] Qua xác minh tại địa phương cho thấy, trong thời gian chung sống bà Lê Thị T và ông Nguyễn K có xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông Nguyễn K ham chơi cờ bạc không lo lắng cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, tình trạng trên kéo dài dẫn đến hôn nhân rạn nứt, không hàn gắn được.

[5] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn K đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị T đối với ông Nguyễn K.

[6] *Về con chung*: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn K có 03 con chung là Nguyễn T.N.L, sinh năm: 1984; Nguyễn T.B.L, sinh năm: 1987 và Nguyễn C.H, sinh ngày: 13/5/2004. Cháu L1 và cháu L2 đã trưởng thành. Cháu H hiện đang sống cùng bà T. Xét thấy, bà T có nơi ở, công việc, thu nhập ổn định và theo nguyện vọng của cháu H muốn sống với bà T nên giao cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của các con chung theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà T không yêu cầu ông Nguyễn K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] *Về án phí*:

Bà Lê Thị T phải chịu án phí theo án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn K.

2. *Về con chung*: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn K có 03 con chung là Nguyễn T.N.L, sinh năm: 1984; Nguyễn T.B.L, sinh năm: 1987 và Nguyễn C.H, sinh ngày: 13/5/2004. Cháu L1 và cháu L2 đã trưởng thành.

Giao cháu Nguyễn C.H, sinh ngày: 13/5/2004 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*:

Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002948 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Trong hạn 15 ngày, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bành Thị Thu Hà

